TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 602/2023/QĐST- HNGĐ	*T, ngày 05 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh A;

Bị đơn: Ông Đinh Văn H, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 239/87 K, phường P, quận T, Thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trương Thị Ngọc M, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh A;

Ông Đinh Văn H, sinh năm 19XX,

Địa chỉ: 239/87 K, phường P, quận T, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc M và ông Đinh Văn H thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 181, ngày 08/12/2004 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con chung: Có một con chung tên Đinh Hoàn P, sinh ngày XX/XX7/20XX. Bà Trương Thị Ngọc M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H do bà M không yêu cầu.

Trong trường hợp bà M không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

3. Về tài sản chung: Ông H và bà M khai không có.

4. Về nợ chung: Ông H và bà M khai không có.

5. Về án phí: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do bà Trương Thị Ngọc M tự nguyện nộp, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013808 ngày 05/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà M đã nộp đủ án phí.

Hoàn số tiền chênh lệch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng cho bà Trương Thị Ngọc M theo biên lai thu nêu trên.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND H;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND xã V, huyện A, tỉnh A;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Ngọc N